TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH BÌNH ĐỊNH** Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST Ngày: 25/10/2023 "V/v: Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Doãn

2. Bà Đinh Thị Vang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tín, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2023, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022, về việc: *"Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2023/TB-TA ngày 27 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm: 1980, địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Cao C1, sinh năm: 1982, địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện V, tỉnh Bình Định. Người đại diện: Ông Trần Sỹ T – Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang K – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh (Theo Giấy ủy quyền số 49/UQ-NHNoVT ngày 27/02/2023) – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/11/2022, được bổ sung bằng các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:

Bà và ông C1 có đăng ký kết hôn vào ngày 06/5/2001 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bình Định, quá trình chung sống vợ chồng sinh được 01 con chung và cùng nhau tạo dựng được khối tài sản chung; Đến năm 2022, do ông C1 ngoại tình, nhiều mâu thuẫn liên tiếp xảy ra, nên bà gửi đơn ly hôn, ông C1 chấp nhận. Hai bên thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa

thuận của các đương sự số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định. Tại thời điểm ly hôn, đôi bên tự thương lượng với nhau về tài sản chung và nợ chung, không ai tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nhưng nay bà tranh chấp khối tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của bà và ông C1, như sau:

Về tài sản chung:

(1) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CR811372, số vào sổ cấp GCN: CS02330, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/02/2020, đối với:

- Thửa đất số 1779, tờ bản đồ số 02, diện tích 285m^2, tại Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định, trị giá: 950.000.000 đồng.

- Tài sản gắn liền với thửa đất số 1779, gồm: 01 Nhà cấp N3, trị giá 324.687.000 đồng; 01 Nhà mái ngói, trị giá 41.372.560 đồng; Đ chạy ngầm trong nhà, trị giá 18.462.000 đồng; Lan can cầu thang, trị giá 9.975.000 đồng; Trụ đề ba cầu thang, trị giá: 2.400.000 đồng; Chuồng bò cấp C5, trị giá 69.591.360 đồng; Tráp tôn, trị giá 12.666.576 đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với thửa đất 1779 là: 1.429.154.000 đồng.

(2) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BP 938325, số vào sổ cấp GCN: CH0733 do UBND huyện V, tỉnh Bình Định cấp ngày 28/4/2014, đối với:

- Thửa đất số 2173, tờ bản đồ số 02, diện tích 172,5m^2, tại Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định, trị giá: 700.000.000 đồng.

- Chuồng heo trên thửa đất 2173 cấp C4, trị giá 97.833.600 đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 2173 là: 797.833.000 đồng.

(3) Tài sản chung khác, *trị giá: 74.400.000 đồng*, gồm: 01 Xe mô tô biển số 52H4-3408, loại xe Dream, trị giá 3.000.000 đồng; 01 Xe mô tô 77N1-055.28, trị giá 20.000.000 đồng; 01 Bộ bàn ghế làm bằng gỗ, trị giá: 18.000.000 đồng; 01 Phản gỗ, trị giá: 20.000.000 đồng; 01 Máy phát điện hiệu German technology 1.0, trị giá 5.000.000 đồng; 02 Tủ lạnh Alaska 2 ngăn, trị giá 4.000.000 đồng; 01 ti vi TLC màn hình phẳng 43 inch, trị giá 2.500.000 đồng; 01 Cân điện tử Yaohua T7E, trị giá 1.200.000 đồng; 02 cái thớt (lớn/nhỏ) làm bằng nhôm để bỏ thịt, trị giá: 700.000 đồng.

Tổng giá trị khối tài sản chung có tranh chấp là **2.301.387.000 đồng** (Hai tỷ ba trăm lẻ một triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Tất cả số tài sản chung này hiện do ông C1 đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Bà yêu cầu được nhận tất cả hiện vật khối tài sản chung trên và bà có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông C1 giá trị phần chênh lệch.

Về nợ chung: Bà và ông C1 có vay chung tại Ngân hàng N – chi nhánh huyện V, tỉnh Bình Định số tiền 800.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4343-LAV-202200316 ngày 11/3/2022; Tài sản thế chấp là Nhà ở + quyền sử

dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1967/2020/HĐTC ngày 09/3/2020 đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V ngày 09/3/2020.

Đến ngày 28/9/2023, bà và ông C1 đã trả hết số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là 828.817.971 đồng. Trong đó: Bà trả 414.409.768 đồng, ông C1 trả 414.408.203 đồng. Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CR811372, số vào sổ cấp GCN CS02330 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/02/2020 bà và ông C1 thỏa thuận thống nhất lưu giữ tại Ngân hàng và sẽ bàn giao lại cho bên được thi hành án sau khi phán quyết của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Nay bà yêu cầu Tòa án ghi nhận việc trả nợ chung của bà và ông C1 để xem xét trong việc phân chia tài sản chung.

Trong các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Cao C1 trình bày:

Ông xác nhận ông và bà C có khối tài sản chung, nợ chung như bà C khai, hiện ông là người trực tiếp quản lý, sử dụng khối tài sản chung. Ông và bà C đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng;

Riêng về trị giá của tài sản chung thì ông không thống nhất với giá của Hội đồng định giá, ông cho rằng khối tài sản chung trên có giá trị như bà C đã tự đưa ra trong Đơn khởi kiện, ông chỉ chấp nhận khối tài sản chung có tổng trị giá là 1.477.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

Nay ông yêu cầu Tòa án giao tất cả hiện vật khối tài sản chung nêu trên cho ông và ông có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà C giá trị phần chênh lệch; Đồng thời, ông yêu cầu bà C phải hoàn trả lại ½ số tiền lãi mà ông đã dùng tiền riêng của ông trả cho Ngân hàng thời gian từ ngày 15/9/2022 đến ngày 07/9/2023 với số tiền là 56.583.757 đồng/2 = 28.291.878 đồng;

Trong các lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N – chi nhánh huyện V, tỉnh Bình Định trình bày:

Bà C và ông C1 có vay tiền Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 4343-LAV-202200316 ngày 11/3/2022; Tài sản thế chấp là Nhà ở + quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1967/2020/HĐTC ngày 09/3/2020 đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V ngày 09/3/2020. Vào ngày 13/12/2022, Ngân hàng có yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ này của bà C và ông C1.

Đến ngày 28/9/2023, bà C và ông C1 đã trả hết số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là 828.817.971 đồng. Trong đó: Bà C trả 414.409.768 đồng, ông C1 trả 414.408.203 đồng. Nên ngày 29/9/2023, Ngân hàng có Đơn rút yêu cầu, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân định nghĩa vụ trả tiền vay cho Ngân hàng đối với bà C và ông C1.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ

khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về ý kiến giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 59, 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C:

- Phân chia tài sản chung của bà C và ông C1 theo tỷ lệ: Bà C được nhận 60% (tương đương 1.380.832.200 đồng), ông C1 được nhận 40% (tương đương 920.554.800 đồng) so với khối tài sản chung; Giao bà C nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1779 và các tài sản gắn liền với thửa đất 1779, trị giá: 1.429.154.000 đồng. Bà C thanh toán lại cho ông C1 giá trị chênh lệch; Giao cho ông C1 nhận số tiền chênh lệch do bà C thanh toán lại, quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 2173, tài sản gắn liền với thửa đất số 2173 và các tài sản chung khác còn lại.

- Về nợ chung: Bà C và ông C1 mỗi người có nghĩa vụ trả ½ khoản nợ chung cho Ngân hàng, cả hai đã cùng nhau trả nợ xong nên được ghi nhận; Bà C có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông C1 số tiền ông C1 đã nộp lãi cho Ngân hàng từ ngày 15/9/2022 đến ngày 07/9/2023 với số tiền là 28.291.878 đồng;

- Đương sự chịu chi phí tố tụng và án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà C khởi kiện yêu cầu *"Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"* đối với ông C1; Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà Lê Thị C và ông Nguyễn Cao C1 từng là vợ chồng hợp pháp, nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định.

Xét về tài sản chung: Bà C và ông C1 đều thống nhất xác nhận khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của cả hai gồm:

(1) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CR 811372, số vào sổ cấp GCN: CS02330, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/02/2020, đối với:

- Thửa đất số 1779, tờ bản đồ số 02, diện tích 285m^2, tại Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định;

- Tài sản gắn liền với thửa đất số 1779, gồm: 01 Nhà cấp N3; 01 Nhà mái ngói; Đ chạy ngầm trong nhà; Lan can cầu thang; Trụ đề ba cầu thang; Chuồng bò C5; Tráp tôn.

(2) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BP 938325, số vào sổ cấp GCN: CH0733 do UBND huyện V, tỉnh Bình Định cấp ngày 28/4/2014, đối với:

- Thửa đất số 2173, tờ bản đồ số 02, diện tích 172,5m^2, tại Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định;

- Chuồng heo trên thửa đất 2173 cấp C4.

(3) Tài sản chung khác, gồm: 01 Xe mô tô biển số 52H4-3408, loại xe Dream; 01 Xe mô tô 77N1-055.28; 01 Bộ bàn ghế làm bằng gỗ; 01 Máy phát điện hiệu German technology 1.0; 02 Tủ lạnh Alaska 2 ngăn; 01 ti vi TLC màn hình phẳng 43 inch; 01 Cân điện tử Yaohua T7E; 02 cái thớt (lớn/nhỏ) làm bằng nhôm để bỏ thịt.

Về giá trị tài sản chung: Bà C thống nhất theo kết quả định giá tài sản, còn ông C1 không chấp nhận, ông C1 chỉ chấp nhận giá trị tài sản chung theo như giá trị mà bà C đưa ra trong Đơn khởi kiện ban đầu.

Xét, tất cả số tài sản chung đều hiện hữu và do ông C1 đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Việc phân chia tài sản chung cho bà C và ông C1 được xem xét theo các yếu tố quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Theo đó: Bà C và ông C1 đều có công sức đóng góp tích cực trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung; Tuy nhiên, với tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được thì việc bà C và ông C1 ly hôn xuất phát từ lỗi của ông C1 ngoại tình. Khi hôn nhân giữa bà C và ông C1 đang tồn tại, ông C1 ngoại tình với bà Võ Thị L, bà L mang thai; Ngày 15/9/2022, bà C và ông C1 chấm dứt hôn nhân thì đến ngày 29/11/2022 bà L sinh con. Ngày 24/8/2023, ông C1 và bà L đăng ký kết hôn, có văn bản thừa nhận con chung và đăng ký khai sinh cho cháu Nguyễn Võ Khánh L1 tại UBND xã V, nên nay ông C1 phải chịu trách nhiệm về lỗi của ông đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Mặt khác, xét hoàn cảnh của bà C và ông C1, kể từ sau khi ly hôn, ông C1 cùng với bà L và con chung đã sinh sống trực tiếp tại ngôi nhà là tài sản chung của bà C và ông C1 tại khu phố Đ, thị trấn V; Còn bà C phải đi ở nhờ nhà bà Đặng Thị L2 tại khu phố Đ, thị trấn V. Việc phân chia tài sản phải dung hòa, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người vợ, nhưng cũng cần đảm bảo mỗi bên ổn định được cuộc sống sau khi ly hôn.

Do đó, bà C và ông C1 mỗi bên đều yêu cầu nhận toàn bộ hiện vật tài sản chung và thanh toán lại giá trị chênh lệch cho bên kia là không hợp lý, Hội đồng xét xử chỉ xét chấp nhận một phần; Hội đồng xét xử xét kết quả định giá của Hội đồng định giá, biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án và các tài liệu, chứng cứ liên quan có trong hồ sơ vụ án, xác định khối tài sản chung của bà C và ông C1 trị giá **2.301.387.000 đồng** (100%) được phân chia cho mỗi người theo tỷ lệ %: Bà C được 60% tương đương 1.380.832.200 đồng, ông C1 được 40% tương đương 920.554.800 đồng là phù hợp, cụ thể:

Phần bà C được nhận (1.380.832.200 đồng), gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CR811372, số vào sổ cấp GCN: CS02330, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/02/2020, đối với:

- Thửa đất số 1779, tờ bản đồ số 02, diện tích 285m^2, tại Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định, trị giá: 950.000.000 đồng.

- Tài sản gắn liền với thửa đất số 1779, gồm: 01 Nhà cấp N3, trị giá 324.687.000 đồng; 01 Nhà mái ngói, trị giá 41.372.560 đồng; Đ chạy ngầm trong nhà, trị giá 18.462.000 đồng; Lan can cầu thang, trị giá 9.975.000 đồng; Trụ đề ba cầu thang, trị giá: 2.400.000 đồng; Chuồng bò C5, trị giá 69.591.360 đồng; Tráp tôn, trị giá 12.666.576 đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với thửa đất 1779 là: 1.429.154.000 đồng. Khấu trừ tỉ lệ được nhận, bà C phải thanh toán lại phần chênh lệch cho ông C1 với số tiền là: 1.429.154.000 đồng - 1.380.832.200 đồng = 48.321.800 đồng.

Phần ông C1 được nhận (920.554.800 đồng), gồm:

- Số tiền chênh lệch do bà C thanh toán lại là 48.321.800 đồng nói trên;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BP 938325, số vào sổ cấp GCN: CH0733 do UBND huyện V, tỉnh Bình Định cấp ngày 28/4/2014, đối với:

+ Thửa đất số 2173, tờ bản đồ số 02, diện tích 172,5m^2, tại Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định, trị giá: 700.000.000 đồng.

+ Chuồng heo trên thửa đất 2173 cấp C4, trị giá 97.833.600 đồng.

(Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 2173 là: 797.833.000 đồng).

- Các loại tài sản chung khác, trị giá: 74.400.000 đồng, gồm: 01 Xe mô tô biển số 52H4-3408, loại xe Dream, trị giá 3.000.000 đồng; 01 Xe mô tô 77N1-055.28, trị giá 20.000.000 đồng; 01 Bộ bàn ghế làm bằng gỗ, trị giá: 18.000.000 đồng; 01 Phản gỗ, trị giá: 20.000.000 đồng; 01 Máy phát điện hiệu German technology 1.0, trị giá 5.000.000 đồng; 02 Tủ lạnh Alaska 2 ngăn, trị giá 4.000.000 đồng; 01 ti vi TLC màn hình phẳng 43 inch, trị giá 2.500.000 đồng; 01 Cân điện tử Yaohua T7E, trị giá 1.200.000 đồng; 02 cái thớt (lớn/nhỏ) làm bằng nhôm để bỏ thịt, trị giá: 700.000 đồng.

Xét về nợ chung: Bà C và ông C1 phải cùng có nghĩa vụ trả nợ chung (mỗi người trả ½ khoản nợ chung) đối với Ngân hàng N – chi nhánh huyện V, tỉnh Bình Định. Thực tế cả hai đã trả nợ xong số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là 828.817.971 đồng vào ngày 28/9/2023. Trong đó: Bà C trả 414.409.768 đồng, ông C1 trả 414.408.203 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Việc ông C1 khai ông C1 tự lấy tiền riêng của mình kiếm được sau khi ly hôn để trả lãi cho Ngân hàng, bà C nại cho rằng ông C1 lấy số tiền chung từ việc bán heo, bò của vợ chồng, nhưng bà C không có chứng cứ chứng minh ngay tại phiên tòa, bà C và ông C1 cũng không ai có ý kiến tranh chấp bổ sung tài sản chung, nợ chung. Do đó, bà C phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông C1 ½ số tiền lãi mà ông C1 đã trả cho Ngân hàng thời gian từ ngày 15/9/2022 đến ngày 07/9/2023 với số tiền là 56.583.757 đồng / 2 = 28.291.878 đồng;

Ngân hàng N – chi nhánh huyện V, tỉnh Bình Định có Đơn rút yêu cầu, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân định nghĩa vụ trả tiền

vay cho Ngân hàng đối với bà C và ông C1 (đơn đề ngày 29/9/2023), nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng.

[3]. Về án phí Hôn nhân gia đình có giá ngạch sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản): Tòa án đã chi phí xong 3.000.000 đồng; Bà C và ông C1 phải chịu chi phí theo tỷ lệ giá trị phần tài sản mỗi người được chia (bà C nộp 1.800.000 đồng, ông C1 nộp 1.200.000 đồng), nhưng bà C đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng, nên ông C1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà C 1.200.000 đồng.

[5]. Xét: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Các Điều 35, 39, 147, 157, 165, 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 37, 59, 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C đối với bị đơn ông Nguyễn Cao C1;

1.1. Phân chia tài sản sau khi ly hôn cho bà Lê Thị C và ông Nguyễn Cao C1 như sau:

*** Phần bà Lê Thị C được nhận:** 60% khối tài sản chung, tương đương 1.380.832.200 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi triệu tám trăm ba mươi hai nghìn hai trăm đồng), gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CR811372, số vào sổ cấp GCN: CS02330, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/02/2020, đối với:

- Thửa đất số 1779, tờ bản đồ số 02, diện tích 285m^2, tại Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định, trị giá: 950.000.000 đồng.

- Tài sản gắn liền với thửa đất số 1779, gồm: 01 Nhà cấp N3, trị giá 324.687.000 đồng; 01 Nhà mái ngói, trị giá 41.372.560 đồng; Đ chạy ngầm trong nhà, trị giá 18.462.000 đồng; Lan can cầu thang, trị giá 9.975.000 đồng; Trụ đề ba cầu thang, trị giá: 2.400.000 đồng; Chuồng bò C5, trị giá 69.591.360 đồng; Tráp tôn, trị giá 12.666.576 đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với thửa đất 1779 là: 1.429.154.000 đồng. Khấu trừ tỉ lệ được nhận, bà C phải thanh toán lại phần chênh lệch cho ông C1 với số tiền là: 1.429.154.000 đồng - 1.380.832.200 đồng = 48.321.800 đồng (Bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn tám trăm đồng).

*** Phần ông Nguyễn Cao C1 được nhận:** 40% khối tài sản chung tương đương 920.554.800 đồng (Chín trăm hai mươi triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm đồng), gồm:

- Số tiền chênh lệch do bà C thanh toán lại là 48.321.800 đồng (Bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn tám trăm đồng).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BP 938325, số vào sổ cấp GCN: CH0733 do UBND huyện V, tỉnh Bình Định cấp ngày 28/4/2014, đối với:

+ Thửa đất số 2173, tờ bản đồ số 02, diện tích 172,5m^2, tại Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định, trị giá: 700.000.000 đồng.

+ Chuồng heo trên thửa đất 2173 cấp C4, trị giá 97.833.600 đồng.

(Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 2173 là: 797.833.000 đồng).

- Các loại tài sản chung khác, trị giá: 74.400.000 đồng, gồm: 01 Xe mô tô biển số 52H4-3408, loại xe Dream, trị giá 3.000.000 đồng; 01 Xe mô tô 77N1-055.28, trị giá 20.000.000 đồng; 01 Bộ bàn ghế làm bằng gỗ, trị giá: 18.000.000 đồng; 01 Phản gỗ, trị giá: 20.000.000 đồng; 01 Máy phát điện hiệu German technology 1.0, trị giá 5.000.000 đồng; 02 Tủ lạnh Alaska 2 ngăn, trị giá 4.000.000 đồng; 01 ti vi TLC màn hình phẳng 43 inch, trị giá 2.500.000 đồng; 01 Cân điện tử Yaohua T7E, trị giá 1.200.000 đồng; 02 cái thớt (lớn/nhỏ) làm bằng nhôm để bỏ thịt, trị giá: 700.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị C và ông Nguyễn Cao C1 có quyền đến cơ quan chức năng thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai (đối với tài sản được nhận là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất), thủ tục chuyển quyền sở hữu (đối với tài sản được nhận là xe) theo quy định của pháp luật.

1.2. Về nợ chung:

- Ghi nhận việc bà Lê Thị C và ông Nguyễn Cao C1 đã cùng trả nợ xong số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N – chi nhánh huyện V, tỉnh Bình Định là 828.817.971 đồng vào ngày 28/9/2023. Trong đó: Bà C trả 414.409.768 đồng, ông C1 trả 414.408.203 đồng.

- Buộc bà Lê Thị C phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Cao C1 ½ số tiền lãi mà ông C1 đã trả cho Ngân hàng thời gian từ ngày 15/9/2022 đến ngày 07/9/2023 với số tiền là 28.291.878 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm chín mươi mốt nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng).

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng N – chi nhánh huyện V, tỉnh Bình Định.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình có giá ngạch sơ thẩm:

2.1. Bà Lê Thị C phải chịu 53.424.966 đồng (Năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng) *(36.000.000 đồng + 3% (1.380.832.200 đồng – 800.000.000 đồng))*. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 16.770.000 đồng mà bà C đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006565 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bình Định, bà C còn phải nộp thêm 36.654.966 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng);

2.2. Ông Nguyễn Cao C1 phải chịu 39.616.644 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng) *(36.000.000 đồng + 3% (920.554.800 đồng – 800.000.000 đồng)).* Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 16.770.000 đồng mà ông C1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006568 ngày 30/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bình Định, ông C1 còn phải nộp thêm 22.846.644 đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng);

2.3. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) cho Ngân hàng N – chi nhánh huyện V, tỉnh Bình Định theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006567 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bình Định.

3. Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản): Tòa án đã chi phí xong 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); Buộc bà Lê Thị C phải chịu 1.800.000 đồng, ông Nguyễn Cao C1 phải chịu 1.200.000 đồng), nhưng bà C đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng, nên buộc ông Nguyễn Cao C1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Lê Thị C 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- P.KTNV và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mai Đào